

Số: **372/2019/QĐST-HNGĐ**

B, ngày 13 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 340/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **Trịnh Viết T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: tổ 21, ấp N, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Viết T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18/02/2003 nên căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông Trịnh Viết T và bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Trịnh Viết T và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Trịnh Thị T1, sinh ngày 14/11/2004 và cháu Trịnh Thị Ánh T2, sinh ngày 17/5/2013. Khi ly hôn, ông Trịnh Viết T và bà

Nguyễn Thị H thỏa thuận giao cháu Trịnh Thị T1, sinh ngày 14/11/2004 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Trịnh Thị Ánh T2, sinh ngày 17/5/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Vì không trực tiếp nuôi con nên các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Trịnh Viết T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm cần trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0004153 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Viết T và bà Nguyễn Thị H đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Khi ly hôn, ông Trịnh Viết T và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận giao cháu Trịnh Thị T1, sinh ngày 14/11/2004 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Trịnh Thị Ánh T2, sinh ngày 17/5/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Vì không trực tiếp nuôi con nên các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Trịnh Viết T và bà Nguyễn Thị H không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trịnh Viết T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm cản trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0004153 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.B;
- Chi cục THADS TP.B;
- UBND xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

Loan Trần Hải Yến